

---

# ĐA DẠNG HÓA VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

**Trần Hùng Sơn**

*Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng (IBT),  
Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
Email: sonth@uel.edu.vn*

**Nguyễn Vĩnh Khương**

*Khoa Kế toán-Kiểm toán, Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
Email: khuongnv@uel.edu.vn*

**Nguyễn Thị Yến Nhi**

*Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: yennhitn2@gmail.com*

Ngày nhận: 12/11/2019

Ngày nhận bản sửa: 03/02/2020

Ngày duyệt đăng: 05/10/2020

## **Tóm tắt**

*Nghiên cứu này tập trung xem xét mối quan hệ giữa đa dạng hóa với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa có tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam, theo đó đa dạng hóa thu nhập có tác động dương đến tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), trong khi đó đa dạng hóa tài sản có tác động dương đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của các ngân hàng. Riêng đối với hiệu quả hoạt động có điều chỉnh rủi ro, cả đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa địa lý đều có tác động dương đến ROA có điều chỉnh rủi ro, ngược lại đa dạng hóa thu nhập ngoài lề lại có tác động âm đến chỉ số này. Cuối cùng, đối với chỉ tiêu ROE có điều chỉnh rủi ro, kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa tài sản tác động dương đến chỉ số này.*

**Từ khóa:** Đa dạng hóa, hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại.

**Mã JEL:** G20, G21.

## **Diversification and bank performance in Vietnam**

*Abstract:*

*This study examines the impact of diversification strategies on performance of Vietnamese banks. The following findings are established. First, income diversification and asset diversification have positive effects on banks' performance in terms of return on assets and return on equity respectively. Second, contrary to income diversification, asset diversification and geographic diversification which have positive impacts on the risk-adjusted return on assets, non-interest income diversification has a negative impact on risk-adjusted return on assets. Finally, with regard to risk-adjusted return on equity, the results only find the positive relationship between asset diversification and risk-adjusted return on equity.*

**Keywords:** Diversification, bank performance, commercial bank.

**JEL Codes:** G20, G21.

## **1. Giới thiệu**

Ảnh hưởng của đa dạng hóa hoạt động ngân hàng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng đã được đề cập nhiều trong các nghiên cứu thực nghiệm, tuy nhiên, các nghiên cứu đều cho thấy cả tính kinh tế và phi kinh tế của việc đa dạng hóa. Một số nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa có tương quan dương với hiệu quả hoạt động của ngân hàng (Casu & Giardone, 2005; Chiorazzo & cộng sự, 2008; Estes, 2014; Cotugno &

---

Stefanelli, 2012; Morgan & Samolyk, 2003; Deng & Elyasiani, 2008). Ngược lại, một số nghiên cứu khác cho thấy đa dạng hóa không có ảnh hưởng hoặc có tương quan âm với hiệu quả hoạt động ngân hàng và làm gia tăng rủi ro trong hoạt động ngân hàng (DeYoung & Roland, 2001; DeYoung & Rice 2004; Stiroh, 2004; Mercieca & cộng sự, 2007; Edirisuriya & cộng sự, 2015).

Các nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa địa lý đến hiệu quả hoạt động ngân hàng phần lớn thực hiện tại các nước phát triển và chưa có nhiều nghiên cứu tại các nền kinh tế mới nổi. Các nghiên cứu về chủ đề này cũng đã được thực hiện tại Việt Nam nhưng chỉ tập trung vào khía cạnh ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng (Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh, 2014; Võ Xuân Vinh & Trần Thị Phương Mai 2015; Phạm Xuân Quỳnh & Lê Long Hậu, 2016).

Hệ thống ngân hàng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam, từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO trong năm 2007, số lượng các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam ngày càng tăng lên và làm giảm thu nhập biên của các ngân hàng trong nước. Với sự cạnh tranh ngày càng nhiều từ các ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng trong nước đã đa dạng hóa hoạt động của mình từ các hoạt động cho vay truyền thống sang các hoạt động khác dựa trên thu nhập từ phí (Nguyen & Simioni, 2015). Đồng thời, các ngân hàng cũng nỗ lực mở rộng mạng lưới chi nhánh, đa dạng hóa về mặt địa lý để mở rộng địa bàn, thu hút nguồn khách hàng mới. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu việc đa dạng hóa này có thực sự làm gia tăng hiệu quả của các ngân hàng thương mại Việt Nam hay không?

Nghiên cứu này có những đóng góp về mặt thực nghiệm ở những khía cạnh sau: Thứ nhất, bổ sung thêm nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của *đa dạng hóa thu nhập* và thu nhập ngoài lãi, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa địa lý đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng tại các nền kinh tế mới nổi là Việt Nam. Thứ hai, chúng tôi cũng phân tích liệu hoạt động đa dạng hóa có cải thiện khả năng sinh lời có điều chỉnh theo rủi ro của các ngân hàng Việt Nam hay không.

## **2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

### **2.1. Đa dạng hóa thu nhập và hiệu quả hoạt động ngân hàng**

Các lý thuyết liên quan đến đa dạng hóa thường phân tích các lợi ích và chi phí trong chiến lược phát triển của ngân hàng. Đa dạng hóa giúp tăng hiệu quả hoạt động nhất là khi quy mô và phạm vi hoạt động của ngân hàng gia tăng, đồng thời giảm biến động mang tính chu kỳ của ngân hàng, và tạo áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng, buộc các ngân hàng phải tăng tính sáng tạo và hiệu quả khi mở rộng cung cấp các dịch vụ của mình (Lepetit & cộng sự, 2008).

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở các nước đã cho thấy tác động dương giữa đa dạng hóa thu nhập với hiệu quả hoạt động. Chiorazzo & cộng sự (2008) đã nghiên cứu mối liên hệ giữa đa dạng hóa thu nhập và khả năng sinh lời của các ngân hàng Ý, kết quả cho thấy đa dạng hóa thu nhập có thể làm tăng lợi nhuận có điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng Ý và mối quan hệ này càng chặt chẽ hơn ở các ngân hàng lớn hơn. Sanya & Wolfe (2011) phân tích tác động đa dạng hóa thu nhập của các ngân hàng ở các nước mới nổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa thu nhập có tác động dương đến hiệu quả điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng thị trường mới nổi.

Ngược lại, một số nghiên cứu khác cho thấy có tác động tiêu cực giữa đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Một số tác động bất lợi có thể kể đến: các ngân hàng đa dạng hóa hoạt động có thể sử dụng đòn bẩy tài chính lớn hơn và tham gia các hoạt động rủi ro hơn (DeYoung & Roland, 2001). Mặt khác, do đặc trưng của đa dạng hóa, một số nguồn thu sẽ biến động hơn, chi phí chuyển đổi khách hàng thấp hơn và đòn bẩy hoạt động cao hơn do yêu cầu phải đầu tư vào tài sản cố định như công nghệ, điều này dẫn đến sự biến động lớn hơn trong thu nhập và làm tăng rủi ro của ngân hàng (DeYoung & Roland, 2001; DeYoung & Rice 2004; Stiroh, 2004; Mercieca & cộng sự, 2007).

Nhìn chung, các nghiên cứu thực nghiệm không đưa ra kết luận thống nhất về ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập tới hiệu quả hoạt động ngân hàng. Do đó, tác giả đưa ra hai giả thuyết đối lập để kiểm định:

*Giả thuyết 1a: Đa dạng hóa thu nhập và thu nhập ngoài lãi có tương quan dương với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.*

*Giả thuyết 1b: Đa dạng hóa thu nhập và thu nhập ngoài lãi có tương quan âm với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.*

## 2.2. Đa dạng hóa tài sản và hiệu quả hoạt động ngân hàng

Trong lĩnh vực ngân hàng, đa dạng hóa tài sản được sử dụng rộng rãi như một chiến lược nhằm giảm tác động của biến động thị trường đến hoạt động ngân hàng. Lợi ích chính của đa dạng hóa tài sản là làm giảm sự biến động và tổn thất của danh mục tài sản, đặc biệt là khi sự không chắc chắn gia tăng. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động đa dạng hóa tài sản trong hoạt động ngân hàng có cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Estes (2014) nghiên cứu mối quan hệ giữa đa dạng hóa với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng ở Mỹ đã cho thấy đa dạng hóa tài sản có tác động cải thiện hiệu quả có điều chỉnh rủi ro ngân hàng. Cotugno & Stefanelli (2012) nhận thấy rằng việc đa dạng hóa tài sản giúp cải thiện hiệu quả có điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng ở Ý. Du & cộng sự (2015) cho thấy đa dạng hóa tài sản hay tăng tỷ trọng của các tài sản như chứng khoán hay các sản phẩm phái sinh làm tăng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng ở Trung Quốc.

Ở khía cạnh khác, khi nghiên cứu tác động của đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa tài sản tại các ngân hàng châu Á, nghiên cứu của Edirisuriya & cộng sự (2015) cho thấy đa dạng hóa tài sản không có tác động cải thiện hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Do ảnh hưởng của sự đa dạng hóa tài sản đối hiệu quả hoạt động ngân hàng vẫn còn mâu thuẫn nên tác giả đưa ra hai giả thuyết đối lập để kiểm định:

*Giả thuyết 2a: Đa dạng hóa tài sản có tương quan dương với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.*

*Giả thuyết 2b: Đa dạng hóa tài sản có tương quan âm với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.*

## 2.3. Đa dạng hóa địa lý với hiệu quả hoạt động ngân hàng

Lý do để các ngân hàng đa dạng hóa địa lý là hoạt động của ngân hàng không giới hạn trong một khu vực cụ thể. Sự đa dạng về địa lý có thể gia tăng giá trị thị trường ngân hàng thông qua tính kinh tế theo quy mô (Berger và cộng sự, 1999). Nhiều nghiên cứu trên thế giới cho thấy rằng đa dạng hóa địa lý có tác động dương đến hiệu quả hoạt động ngân hàng. Morgan & Samolyk (2003) nghiên cứu tác động của đa dạng hóa địa lý tới lợi nhuận và rủi ro của các ngân hàng ở Mỹ. Kết quả cho thấy đối với các ngân hàng nhỏ, đa dạng hóa về mặt địa lý trong nước làm tăng lợi nhuận có điều chỉnh rủi ro và giảm rủi ro, trong khi đó các ngân hàng lớn chỉ có lợi ích khi mở rộng ra liên bang và chỉ có lợi ở khía cạnh giảm thiểu rủi ro. Trong một nghiên cứu khác, Deng & Elyasiani (2008) cho thấy đa dạng hóa địa lý gắn liền với việc nâng cao giá trị và giảm rủi ro của các ngân hàng tại Mỹ. Cotugno & Stefanelli (2012) nghiên cứu mối quan hệ giữa đa dạng hóa địa lý với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng ở Ý. Tóm lại, các kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa địa lý có mối tương quan dương với hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Từ các nghiên cứu thực nghiệm trên, chúng tôi đưa ra giả thuyết về mối quan hệ giữa đa dạng hóa địa lý và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam như sau:

*Giả thuyết 3: Đa dạng hóa địa lý có tương quan dương với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.*

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 30 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010-2017, và tạo thành dữ liệu bảng với tổng cộng 231 quan sát. Đối với số liệu các biến kinh tế vĩ mô được thu thập từ dữ liệu của Ngân hàng thế giới.

### 3.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu trước đã trình bày ở trên, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu như sau:

$$Y_{it} = \alpha + \beta_1 * Y_{it-1} + \beta_2 * HHI_{inc\ it} + \beta_3 * HHI_{noninc\ it} + \beta_4 * HHI_{assets\ it} + \beta_5 * BRANCH_{it} + \beta_6 * LLP/TL_{it} + \beta_7 * TL/DEP_{it} + \beta_8 * TE/TA_{it} + \beta_9 * CIR_{it} + \beta_{10} * (\log TA)_{it} + \beta_{11} * GDP_{it} + \beta_{12} * IR_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Trong đó biến phụ thuộc  $Y_{it}$  được đo lường bởi:

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROAA) và Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROAE). ROAA được tính bằng tổng lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản trung bình hai năm liền kề của ngân hàng vào thời điểm cuối năm tài chính (Chiorazzo & cộng sự, 2008). ROAE được tính bằng lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu trung bình hai năm liền kề của ngân hàng ở thời điểm cuối năm tài chính

(Trujillo-Ponce, 2013).

- Khả năng sinh lời điều chỉnh rủi ro: RAROA, RAROE tại thời điểm cuối năm t của ngân hàng i. Theo Chiorazzo & cộng sự (2008), các chỉ tiêu này được đo lường như sau:

$$RAROA_{it} = \frac{ROAA_{it}}{\sigma_{ROAip}}$$

$$RAROE_{it} = \frac{ROAE_{it}}{\sigma_{ROEip}}$$

Để đo lường các biến đa dạng hóa, tác giả sử dụng bốn chỉ tiêu: đa dạng hóa thu nhập ( $HHI_{inc}$ ); đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi ( $HHI_{noninc}$ ); đa dạng hóa tài sản ( $HHI_{assets}$ ) và đa dạng hóa địa lý (BRANCH).

- $HHI_{inc}$  phản ánh mức độ đa dạng hóa thu nhập. Theo Saghi-Zedek. (2016) và Trujillo-Ponce (2013), được đo lường như sau:

$$HHI_{inc} = 1 - \left[ \left( \frac{NON}{NETOP} \right)^2 + \left( \frac{NET}{NETOP} \right)^2 \right]$$

Trong đó: NON là thu nhập ngoài lãi, được tính bằng tổng thu nhập từ phí, hoa hồng hay các khoản từ hoạt động dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và vàng, mua bán chứng khoán kinh doanh, mua bán chứng khoán đầu tư, hoạt động khác, thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần; NET là thu nhập từ lãi, được đo lường bằng thu nhập từ lãi thuần; NETOP là thu nhập ròng, được xác định bằng tổng của thu nhập ngoài lãi và thu nhập từ lãi ( $NETOP = NON + NET$ ).

- $HHI_{noninc}$  phản ánh mức độ đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi. Theo Saghi-Zedek. (2016)  $HHI_{noninc}$  được đo lường như sau:

$$HHI_{noninc} = 1 - \left[ \left( \frac{FI}{NON} \right)^2 + \left( \frac{TI}{NON} \right)^2 \right]$$

Trong đó: FI là thu nhập từ phí và hoa hồng từ hoạt động dịch vụ; TI là thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng, mua bán chứng khoán kinh doanh, mua bán chứng khoán đầu tư, hoạt động khác, thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần.

- $HHI_{assets}$  phản ánh mức độ đa dạng hóa tài sản. Theo Estes (2014) và Cotugno & Stefanelli (2012),  $HHI_{assets}$  được đo lường như sau:

$$HHI_{assets} = 1 - \left[ \left( \frac{NL}{TEA} \right)^2 + \left( \frac{OEA}{TEA} \right)^2 \right]$$

Trong đó: NL: là dư nợ ròng; OEA: là giá trị các loại tài sản khác (ngoài cho vay) có tạo ra thu nhập (bao gồm chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, góp vốn đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác); TEA là tổng tài sản có tạo ra thu nhập,  $TEA = NL + OEA$ .

-BRANCH phản ánh mức độ đa dạng hóa địa lý. BRANCH được tính bằng logarithm tự nhiên của số lượng chi nhánh của các ngân hàng trong từng năm (Cai & cộng sự, 2016).

Ngoài các biến đo lường đa dạng hóa, tác giả còn đưa thêm vào mô hình các biến kiểm soát:

-**Chất lượng tài sản (LLP/TL):** Để đo lường chất lượng tài sản, tác giả sử dụng tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ (Athanasoglou & cộng sự, 2008).

-**Chỉ số thanh khoản (TL/CD):** đo lường bằng tỷ lệ cho vay trên tiền gửi của khách hàng được xem như là một chỉ số phản ánh rủi ro thanh khoản (Alexiou & Sofoklis, 2009).

-**Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (TE/TA):** được đo lường bằng tổng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (Garcia-Herrero & cộng sự, 2009); Dietrich & Wanzenried, 2009).

-**Hiệu quả chi phí (CIR):** Được đo lường bằng tỷ lệ tổng chi phí/ tổng thu nhập (García-Herrero & cộng sự, 2009; Dietrich & Wanzenried, 2009).

-**Quy mô ngân hàng (LgTA):** Được đo lường bằng logarithm tự nhiên của tổng tài sản (Sanya & Wolfe,

**Bảng 1. Tổng hợp các biến độc lập trong mô hình**

<b>Biến kiểm soát</b>	<b>Đo lường</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Dấu kỳ vọng</b>
Chất lượng tài sản	Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng/ Tổng dư nợ	LLP/TL	-
Chi số thanh khoản	Tổng dư nợ/ Tổng tiền gửi khách hàng	TL/DEP	-
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu	Tổng vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	TE/TA	+
Hiệu quả chi phí	Chi phí hoạt động/ Thu nhập hoạt động	CIR	-
Quy mô	Logarith tự nhiên Tổng tài sản	$\log TA$	+
Tăng trưởng kinh tế	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	GDP	+
Lãi suất	chênh lệch lãi suất cho vay và huy động bình quân	$IR$	+

*Nguồn: tổng hợp của tác giả.*

2011).

**-Tăng trưởng kinh tế (GDP):** được đo lường qua tốc độ tăng trưởng GDP (Athanasoglou & cộng sự, 2008; Dietrich & Wanzenried, 2009).

**-Lãi suất (IR):** Được đo lường bằng chênh lệch lãi suất cho vay và huy động bình quân (García-Herrero & cộng sự, 2009; Trujillo-Ponce, 2013).

### 3.3. Phương pháp ước lượng

Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp ước lượng S-GMM (System Generalized method of moments) để ước lượng phương trình hồi quy động (1). Việc mở rộng sang các hoạt động mới của ngân hàng cũng không hoàn toàn là ngoại sinh bởi vì các ngân hàng có hoạt động tốt cũng sẽ lựa chọn các chiến lược đa dạng hóa dẫn đến mối quan hệ hai chiều giữa hiệu quả hoạt động và đa dạng hóa. Ngoài ra, các biến kiểm soát trong mô hình cũng có thể gây ra vấn đề nội sinh. Ví dụ, quy mô của ngân hàng và tỷ lệ vốn chủ sở hữu của ngân hàng có tác động qua lại lẫn nhau. Trong nghiên cứu, tất cả các biến giải thích được sử dụng làm biến công cụ, các biến vĩ mô được xem là biến ngoại sinh. Tác giả giới hạn số lượng biến công cụ với độ trễ của các biến công cụ được giới hạn là bậc 3.

Ngoài ra, tác giả thực hiện kiểm định Hansen đối với tính chất xác định quá mức của biến công cụ (Overidentification) để kiểm định sự phù hợp của biến công cụ. Một kiểm định quan trọng khác trong ước lượng dữ liệu bảng động là kiểm định AR(2) về tự tương quan bậc 2 của phần dư trong mô hình (1).

## 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 4.1. Thống kê mô tả

Bảng 2 trình bày số liệu thống kê mô tả các biến sử dụng trong mô hình hồi quy. Tất cả các biến đều có giá trị trung bình và độ lệch chuẩn dương. **Biến ROAA, ROAE:** Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản tương đối tập trung, 95% nằm trong khoảng 0 đến 2,3%, trong đó giá trị trung bình ROAA khoảng 0,9%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu phân tán hơn trong khoảng 0 đến 20% với giá trị trung bình khoảng 8,4% và độ lệch chuẩn khoảng 5,9%. **Biến RAROA, RAROE:** Các tỷ số lợi nhuận có điều chỉnh rủi ro cũng tương đối phân tán như ROAA, ROAE.

**Biến HHI\_inc và HHI\_noniinc:** Biến đa dạng hóa thu nhập và thu nhập ngoài lãi tương đối phân tán với giá trị tối thiểu là 0 và tối đa 0,5. Phát sinh trường hợp giá trị âm do thu nhập từ hoạt động từ lãi dương nhưng thu nhập từ hoạt động ngoài lãi âm hoặc thu nhập từ hoa hồng và phí dương nhưng từ các dịch vụ khác âm. Các trường hợp này được chuyển về bằng 0 hay không có đa dạng hóa. Giá trị trung bình của HHI\_inc và HHI\_noniinc lần lượt là 0,264 và 0,272.



**Bảng 2. Thống kê mô tả các biến trong mô hình**

	Giá trị tối thiểu	Giá trị tối đa	Giá trị trung bình	Giá trị trung vị	Độ lệch chuẩn	Độ xiên	Số quan sát
<i>ROAA</i>	0,000	0,055	0,009	0,008	0,007	1,857	231
<i>ROAE</i>	0,000	0,268	0,084	0,077	0,059	0,668	231
<i>RAROA</i>	0,012	6,294	1,923	1,740	1,513	0,690	231
<i>RAROE</i>	0,009	9,458	2,341	1,960	2,040	1,231	231
<i>LLP_TL</i>	-0,010	0,110	0,010	0,008	0,010	5,065	231
<i>TE_TA</i>	0,042	0,332	0,105	0,090	0,049	1,492	231
<i>DEP_TLI</i>	0,321	0,967	0,684	0,700	0,146	-0,175	231
<i>CIR</i>	0,227	0,958	0,529	0,508	0,143	0,687	231
<i>LogTA</i>	28,837	34,465	31,766	31,819	1,163	0,095	231
<i>GDP</i>	0,053	0,067	0,059	0,060	0,005	-0,108	231
<i>IR</i>	0,019	0,032	0,026	0,029	0,005	-0,101	231
<i>HHI_inc</i>	0,000	0,500	0,264	0,274	0,145	-0,267	231
<i>HHI_noninc</i>	0,000	0,500	0,272	0,326	0,200	-0,250	231
<i>HHI_assets</i>	0,174	0,500	0,447	0,474	0,063	-1,781	231
<i>BRANCH</i>	2,708	7,063	4,951	4,898	0,868	0,262	231

Nguồn: Tính toán của tác giả.

**Biến HHI\_assets:** chỉ số đa dạng hóa tài sản tương đối tập trung, 95% trong khoảng 0,324 đến 0,5, với trung bình 0,447 và độ lệch chuẩn 0,063.

**Biến BRANCH:** chỉ số đa dạng hóa địa lý tương đối phân tán với giá trị nhỏ nhất 2,708 và lớn nhất 7,063. Giá trị trung bình ở khoảng 4,951.

Ngoài ra, hệ số VIF của các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 10 nên có thể kết luận hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến trong mô hình là nhỏ.<sup>1</sup>

#### 4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Bảng 3 trình bày kết quả ước lượng phương trình hồi quy (1), hệ số hồi quy của các biến  $Y_{i,t-1}$  là dương và có ý nghĩa thống kê; điều này cho thấy hiệu quả hoạt động của ngân hàng phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của năm trước đó và điều này phản ánh tính động của mô hình nghiên cứu.

##### 4.2.1. Tác động của đa dạng hóa đến ROAA, ROAE

Về đa dạng hóa thu nhập ( $HHI_{inc}$ ), hệ số hồi quy có ý nghĩa ở mức 10% đối với ROAA nhưng không có ý nghĩa đối với ROAE. Điều này cho thấy đa dạng hóa thu nhập có tác động lên tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản của các ngân hàng Việt Nam. Theo đó, mức độ đa dạng hóa thu nhập càng cao thì ROAA càng lớn. Kết quả này phù hợp với giả thuyết đa dạng hóa thu nhập làm tăng hiệu quả hoạt động ngân hàng và kết quả nghiên cứu của một số tác giả trên thế giới như Casu & Giardone (2005); Chiorazzo & cộng sự (2008) và nghiên cứu của Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh (2014), Phạm Xuân Quỳnh & Lê Long Hậu (2016) tại Việt Nam. Đồng thời, kết quả hồi quy chưa tìm thấy mối tương quan giữa đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi ( $HHI_{noninc}$ ), với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam qua hai chỉ tiêu ROAA và ROAE.

Về đa dạng hóa tài sản ( $HHI_{assets}$ ), hệ số hồi quy có tác động dương và ý nghĩa thống kê mức 10% đối với ROAE nhưng lại không có ý nghĩa đối với ROAA. Như vậy, tài sản được đa dạng hóa càng cao tương

---

ứng với lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu càng lớn. Kết quả này ủng hộ giả thuyết đa dạng hóa tài sản làm tăng khả năng sinh lời của các ngân hàng, kết quả này giống với nghiên cứu của Edirisuriya & cộng sự (2015).

Về đa dạng hóa địa lý (*BRANCH*), kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa địa lý có tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam nhưng không có ý nghĩa thống kê, kết quả này phù hợp với một phần nghiên cứu của Cai & cộng sự (2016). Điều này cho thấy, việc mở rộng các chi nhánh ngân hàng có thể không làm tăng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu do việc mở rộng chi nhánh cũng làm tăng chi phí hoạt động của ngân hàng.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng nhận thấy chất lượng tài sản, hiệu quả về chi phí có mối quan hệ với hiệu quả hoạt động. Trong đó: Tỷ lệ dự phòng trên tổng dư nợ (LLP/TL) có tác động ngược chiều với ROAA và ROAE ở mức ý nghĩa tương ứng 5% và 1%. Nghĩa là tỷ lệ trích lập dự phòng cao hay chất lượng tài sản giảm có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động ngân hàng. Sau giai đoạn tín dụng tăng trưởng nóng trước 2009, phần lớn các ngân hàng phải đối mặt với một mức nợ xấu cao làm chất lượng tài sản giảm sút, vì vậy phải trích lập dự phòng ở mức cao. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Athanasoglou & cộng sự (2008); Chiorazzo & cộng sự (2008); Alexiou & Sofoklis (2009).

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên lợi nhuận hoạt động (CIR) có tác động ngược chiều với hiệu quả hoạt động. Kết quả này cho thấy khi các ngân hàng Việt Nam tốn nhiều chi phí hơn cho hoạt động hay hiệu quả về chi phí giảm xuống. Điều này hàm ý các ngân hàng có năng lực quản trị chi phí tốt sẽ đem lại hiệu quả cao hơn. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước như Alexiou & Sofoklis (2009); Athanasoglou & cộng sự (2008); Dietrich & Wanzenried (2009); García-Herrero & cộng sự (2009).

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (TE/TA) cũng có tác động ngược chiều với ROAE. Khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng lên hay các ngân hàng sử dụng nhiều vốn chủ sở hữu hơn, các ngân hàng phải tốn chi phí lớn hơn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình, vì vậy làm hiệu quả hoạt động giảm xuống. Điều này cũng ám chỉ các ngân hàng chưa tận dụng tối đa nguồn vốn huy động sẽ có hiệu quả thấp hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cảnh (2014). Tuy nhiên, kết quả này khác biệt so với các nghiên cứu của Alexiou & Sofoklis (2009); Athanasoglou & cộng sự (2008).

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu chưa tìm thấy mối tương quan giữa chỉ số thanh khoản, quy mô, tăng trưởng kinh tế và lạm phát đến ROAA và ROAE.

#### 4.2.2. Tác động của đa dạng hóa đến RAROA, RAROE

Về đa dạng hóa thu nhập ( $HHI_{inc}$ ): hệ số hồi quy có tác động dương và ý nghĩa ở mức 10% đối với RAROA nhưng không có ý nghĩa đối với RAROE. Theo đó, các ngân hàng có mức độ đa dạng hóa càng cao thì lợi nhuận có điều chỉnh rủi ro thể hiện qua RAROA càng lớn. Mức độ tác động cũng tương đối lớn so với tác động của đa dạng hóa thu nhập đến ROAA. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Chiorazzo & cộng sự (2008); Sanya & Wolfe (2011).

Về đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi ( $HHI_{noninc}$ ): Kết quả hồi quy cho thấy đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi có tác động đến RAROA. Tuy nhiên, khác với đa dạng hóa thu nhập,  $HHI_{noninc}$  có tác động ngược chiều đến chỉ số RAROA. Nghĩa là tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản điều chỉnh rủi ro giảm xuống khi mức độ đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi tăng lên. Kết quả này có thể giải thích khi các ngân hàng Việt Nam chuyển sang các hoạt động phi tín dụng mà lại chưa đủ kinh nghiệm trong việc quản lý rủi ro trong các hoạt động này, nên dẫn đến thu nhập biến động hơn và rủi ro cao hơn (Mercieca & cộng sự, 2007). Kết quả nghiên cứu chưa tìm thấy mối quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi với lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng Việt Nam.

Về đa dạng hóa tài sản ( $HHI_{assets}$ ): kết quả mô hình cho thấy đa dạng hóa tài sản có tác động dương đến cả RAROA và RAROE của các ngân hàng. Kết quả này ủng hộ quan điểm đa dạng hóa tài sản sẽ giúp giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận theo lý thuyết danh mục đầu tư và phù hợp với các nghiên cứu Estes (2014); Cotugno & Stefanelli (2012); Du & cộng sự (2015).

Về đa dạng hóa địa lý (*BRANCH*): nghiên cứu tìm thấy mối tương quan dương giữa đa dạng hóa địa lý với RAROA. Theo kết quả này, hiệu quả hoạt động có điều chỉnh theo rủi ro của ngân hàng tăng lên khi các ngân hàng càng đa dạng hóa về mặt địa lý hay mở rộng mạng lưới hoạt động.

Ngoài ra, tương tự như mô hình hồi quy với ROAA, ROAE, nghiên cứu cũng nhận thấy chất lượng tài sản, hiệu quả về chi phí có mối quan hệ với tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản điều chỉnh rủi ro và hiệu quả về chi phí, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có mối quan hệ với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

**Bảng 3. Kết quả ước lượng**

	<b>ROAA (1)</b>	<b>ROAE (2)</b>	<b>RAROA (3)</b>	<b>RAROE (4)</b>
$Y_{i,t-1}$	0,281*** (0,006)	0,382*** (0,000)	0,348*** (0,007)	0,419*** (0,001)
HHI_inc	0,006* (0,097)	0,029 (0,108)	0,812* (0,064)	0,564 (-0,390)
HHI_noniinc	-0,004 (0,183)	-0,014 (0,304)	-0,657* (0,060)	-0,619 (0,251)
HHI_assets	0,004 (0,561)	0,067* (0,100)	3,330** (0,021)	3,466** (0,039)
BRANCH	0,002 (0,250)	0,012 (0,185)	0,532*** (0,008)	0,353 (0,246)
LLP_TL	-0,120** (0,045)	-0,807* (0,051)	-14,080* (0,063)	-13,810 (0,172)
TL_DEP	0,000 (0,992)	0,002 (0,869)	0,612 (0,183)	0,311 (0,585)
TE_TA	0,012 (0,319)	-0,286*** (0,003)	-1,363 (0,565)	-6,876** (0,031)
CIR	-0,027*** (0,000)	-0,213*** (0,000)	-4,165*** (0,000)	-4,978*** (0,000)
LogTA	-0,001 (0,212)	-0,007 (0,380)	-0,168 (0,329)	-0,242 (0,387)
GDP	0,043 (0,580)	0,613 (0,303)	18,380 (0,160)	18,350 (0,374)
IR	0,004 (0,965)	0,393 (0,538)	12,390 (0,340)	21,310 (0,343)
Số quan sát	199	199	199	199
AR(1) (p-value)	0,013	0,001	0,000	0,004
AR(2) (p-value)	0,751	0,748	0,948	0,831
Hansen test (p-value)	0,096	0,249	0,917	0,355
Số biến công cụ	19	19	19	19

Nguồn: Tính toán của tác giả

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa : 10%, 5%, 1%

điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng thương mại.

Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng chưa tìm thấy mối tương quan giữa chỉ số thanh khoản, quy mô, tăng trưởng kinh tế và lạm phát đến RAROA và RAROE.

Kết quả kiểm định Hansen với giá trị Hansen test (p-value) > 0,05 (cột 1-4) cho thấy các biến công cụ sử dụng trong mô hình là phù hợp. Ngoài ra, kết quả kiểm định Arellano-Bond về tự tương quan phần dư có giá trị AR(2) p-value > 0,05 (cột 1-4) cho thấy không tồn tại tương quan chuỗi bậc hai trong phần dư củ phương trình hồi quy 1.

### 5. Kết luận và hàm ý quản trị



---

### 5.1. Kết luận

Kết quả ước lượng cho thấy, nhìn chung, đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa địa lý đều có tác động dương đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam. Cụ thể:

- Nghiên cứu tìm thấy mối liên hệ giữa đa dạng hóa thu nhập với hiệu quả hoạt động, theo đó ROAA tăng lên khi mức độ đa dạng hóa thu nhập tăng. Mặt khác, nghiên cứu cũng nhận thấy đa dạng hóa tài sản có mối tương quan dương với ROAE.

- Nghiên cứu cho thấy cả đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa địa lý đều có tác động dương đến RAROA. Riêng đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi, nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ ngược chiều với RAROA của các ngân hàng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy đa dạng hóa tài sản có tác động dương đối với RAROE của các ngân hàng Việt Nam.

### 5.2. Hàm ý quản trị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách đối với công tác quản trị ngân hàng đối với hoạt động đa dạng hóa:

- Đa dạng hóa thu nhập có tác động dương đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng. Điều này cho thấy việc tiếp tục đa dạng hóa thu nhập là một vấn đề cần được các nhà quản trị ngân hàng quan tâm. Tuy nhiên, nghiên cứu lại cho thấy đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi lại có tác động ngược chiều đến hiệu quả hoạt động có điều chỉnh rủi ro, nghĩa là việc mở rộng các dịch vụ phi tín dụng còn tồn tại các rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng. Vì vậy khi mở rộng các hoạt động này, cần lưu ý đến việc kiểm soát các rủi ro.

- Đa dạng hóa tài sản có tương quan dương với hiệu quả hoạt động và hiệu quả hoạt động có điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng. Như vậy, kết quả này ủng hộ việc đa dạng hóa các tài sản của các ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm rủi ro do sự lệ thuộc vào hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, hoạt động này cần lưu ý các điểm sau: Thứ nhất, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chính phủ là tài sản chính chiếm tỷ trọng lớn trong các tài sản tạo ra thu nhập ngoài cho vay tại các ngân hàng<sup>2</sup>. Chính vì vậy quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư trái phiếu là rất quan trọng đối với các ngân hàng Việt Nam. Thứ hai, đầu tư vào các công cụ tài chính phái sinh là khá phổ biến trên thế giới, nhưng tại Việt Nam, tỷ lệ đầu tư vào công cụ này vẫn còn thấp.<sup>3</sup> Đây là những tài sản có thể đem lại lợi nhuận và đồng thời là một công cụ hiệu quả để quản lý rủi ro. Vì vậy, các công cụ tài chính phái sinh là loại tài sản các ngân hàng nên hướng đến trong tương lai.

- Đa dạng hóa địa lý chưa có tác động đến tỷ suất lợi nhuận nhưng lại có tác động dương đến RAROA của các ngân hàng. Vì vậy, việc mở rộng mạng lưới của ngân hàng cần chú ý một số vấn đề sau: Thứ nhất, việc mở rộng mạng lưới cần kiểm soát rủi ro tín dụng và song song với việc xây dựng nền tảng quản trị và công nghệ. Thứ hai, các ngân hàng nên xem xét đến việc mở rộng địa bàn ở khu vực nông thôn để tiếp cận đến nguồn khách hàng dồi dào chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Thứ ba, các ngân hàng nên lưu ý đến phát triển kênh phân phối hiện đại như các chi nhánh tự động hóa hoàn toàn: đặc điểm của kênh phân phối này là tự động hóa dưới sự điều khiển của các thiết bị điện tử; Chi nhánh ít nhân viên: với ưu điểm là chi phí thấp, hoạt động linh hoạt.

#### Ghi chú:

1. Do giới hạn về số chữ nên tác giả không trình bày dữ liệu ở đây, tuy nhiên, dữ liệu có thể cung cấp theo yêu cầu.
2. Tỷ lệ trái phiếu chính phủ chiếm bình quân từ 20,86% đến 28,56% tổng tài sản của các ngân hàng thương mại trong mẫu nghiên cứu.
3. Tỷ lệ công cụ tài chính phái sinh chiếm bình quân từ 0,01% đến 0,07 tổng tài sản của các ngân hàng thương mại trong mẫu nghiên cứu.

#### Tài liệu tham khảo

- Alexiou, C. & Sofoklis, V. (2009), 'Determinants of bank profitability: Evidence from the Greek banking sector', *Ekonomski anali*, 54 (182), 93-118.
- Athanasoglou, Panayiotis P., Sophocles N. Brissimis & Matthaïos D. Delis (2008), 'Bank-specific, industry-specific and macroeconomic determinants of bank profitability', *Journal of international financial Markets, Institutions and Money*, 18(2), 121-136.

- 
- Berger, A.N., Demsetz, R. & Strahan, P. (1999), 'The consolidation of the financial services industry: causes, consequences, and implications for the future', *Journal of Banking and Finance*, 23(2-4), 135-194.
- Cai, W., Xu, F., Zeng, C. (2016). 'Geographical diversification and bank performance: Evidence from China', *Economics Letters*, 147, 96-98.
- Casu, B. & Girardone, C. (2005), 'An Analysis of the Relevance of Off-Balance Sheet Items in Explaining Productivity Change in European Banking', *Applied Financial Economics*, 15(15), 1053-1061.
- Chiorazzo, V., Milani, C. & Salvini, F. (2008), 'Income diversification and bank performance: Evidence from Italian banks', *Journal of Financial Services Research*, 33(3), 181-203.
- Cotugno, M. & Stefanelli, V. (2012), 'Geographical and product diversification during instability financial period: Good or bad for banks?', *International Research Journal of Finance and Economics*, 85(3), 87-100.
- DeYoung, R. & Rice, T. (2004), 'Noninterest income and financial performance at US commercial banks', *Financial Review*, 39(1), 101-127.
- DeYoung, R. & Roland, K. (2001), "Product mix and earnings volatility of commercial banks: evidence from a degree of total leverage model", *Journal of Financial Intermediation*, 10, 54-84.
- Deng, S. & Elyasiani, E. (2008), 'Geographic diversification, bank holding company value, and risk', *Journal of Money, Credit & Banking*, 40(6), 1217-1238.
- Dietrich, A. & Wanzenried, G. (2009), 'Determinants of Bank Profitability Before and During the Crisis: Evidence from Switzerland', *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 21(3), 307-327.
- Du, K., Charles A., W. & Zelenyuk, V. (2015), *The dynamic relationship between bank asset diversification and efficiency: Evidence from the Chinese banking sector*, Working paper 12/2015, Centre for Efficiency and Productivity Analysis, University of Queensland.
- Edirisuriya, P., Gunasekarage, A. & Dempsey, M. (2015), 'Bank Diversification, Performance and Stockmarket Response: Evidence from Listed Public Banks in South Asian Countries', *Journal of Asian Economics*, 41(3), 69-85.
- García-Herrero, A., Gavilá, S. & Santabárbara, D. (2009), 'What explains the low profitability of Chinese banks?', *Journal of Banking and Finance*, 33, 2080-2092.
- Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh (2014), 'Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí công nghệ ngân hàng*, 1, 96-107.
- Estes, K. (2014), 'Diversification and Community Bank Performance during a Financial Crisis', *International Journal of Finance & Banking Studies*, 3(4), 2147-4486.
- Lepetit, L., Nys, E., Rous, P. & Tarazi, A. (2008), 'Bank income structure and risk: An empirical analysis of European banks', *Journal of Banking and Finance*, 32, 1452-1467.
- Mercieca, S., Schaeck, K. & Wolfe, S. (2007), 'Small European banks: Benefits from Diversification?', *Journal of Banking and Finance*, 31(7), 1975-1998.
- Morgan, D.P. & Samolyk, K. (2003), *Geographic diversification in banking and its implications for bank portfolio choice and performance*, Working Paper, Federal Reserve Bank of New York, February 20, 1-30.
- Nguyen, P.A. & Simioni, M. (2015), 'Productivity and efficiency of Vietnamese banking system: new evidence using Färe-Primont index analysis', *Applied Economics*, 47(41), 4395-4407.
- Phạm Xuân Quỳnh & Lê Long Hậu (2016), 'Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí công nghệ ngân hàng*, 124, 11-16.
- Saghi-Zedek, N. (2016), 'Product diversification and bank performance: does ownership structure matter?', *Journal of Banking and Finance*, 71, 154-167.
- Sanya, S. & Wolfe, S. (2011), 'Can banks in Emerging countries benefit from revenue Diversification?', *Journal of Financial Services Research*, 40(1-2), 79-101.
- Stiroh, K. (2004), 'Diversification in banking: Is noninterest income the answer?', *Journal of Money, Credit and Banking*, 36(5), 853-82.
- Trujillo-Ponce, A. (2013), 'What determines the profitability of banks? Evidence from Spain', *Accounting & finance*, 53(2), 561-586.
- Võ Xuân Vinh & Trần Thị Phương Mai (2015), 'Lợi nhuận và rủi ro từ đa dạng hoá thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 26(8), 54-70.